

**BỘ Y TẾ
CỤC DÂN SỐ**

Số: **478**/CDS-CCDS
V/v hướng dẫn triển khai thực hiện,
quản lý các hoạt động về cơ cấu và
chất lượng dân số

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **27** tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Tiếp theo công văn số 273/CDS-KHTC ngày 27/3/2024 về việc đơn đốc thực hiện công tác dân số năm 2024, Cục Dân số hướng dẫn triển khai thực hiện, quản lý hoạt động về cơ cấu và chất lượng dân số năm 2024 (Hướng dẫn chi tiết và các Phụ lục gửi kèm theo).

Cục Dân số đề nghị Sở Y tế quan tâm, chỉ đạo Chi cục Dân số/Dân số - Kế hoạch hóa gia đình/Phòng Dân số thuộc Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, quản lý các hoạt động về cơ cấu và chất lượng dân số đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Cục Dân số (Phòng Cơ cấu và Chất lượng dân số) để xem xét giải quyết. *nh*

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Liên Hương (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Cục Dân số;
- 05 Trung tâm sàng lọc khu vực;
- Chi cục Dân số các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CCDS.

CỤC TRƯỞNG

Lê Thanh Dũng

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

Triển khai, quản lý các hoạt động về cơ cấu và chất lượng dân số
(Kèm theo công văn số 478/CDS-CCDS ngày 27/5/2024 của Cục Dân số)

I. Kế hoạch triển khai thực hiện năm 2024

1. Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS) giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 1472/QĐ-BYT ngày 20/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025; Công văn số 273/CDS-KHTC ngày 27/3/2024 của Cục Dân số, Chi cục Dân số đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp năm 2024 nhằm tiến tới đạt mục tiêu theo Đề án, Kế hoạch thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, thành phố.

2. Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quyết định 1999); Căn cứ Kế hoạch triển khai Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 đã được cấp thẩm quyền của địa phương phê duyệt; căn cứ tình hình thực tế của địa phương; Sở Y tế chỉ đạo hướng dẫn đơn vị căn cứ công văn số 273/CDS-KHTC của Cục Dân số, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh năm 2024 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

2.1. Đối với nội dung tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn

a) Các hoạt động tại Trung ương

- Tổ chức hội thảo xin ý kiến góp ý hướng dẫn chuyên môn về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại 3 miền Bắc, Trung Nam.

- Tổ chức hội nghị phổ biến hướng dẫn chuyên môn về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại 2 miền Nam, Bắc.

- Cung cấp thông tin, tuyên truyền về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trên các ấn phẩm và giao lưu trực tuyến nhằm tạo nhu cầu cho người dân để đẩy mạnh xã hội hóa do Báo sức khỏe và đời sống thực hiện.

b) Các hoạt động tại địa phương

- Duy trì các hoạt động câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng và trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường THCS, THPT.

- Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn tại cộng đồng và tổ chức hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động khác của địa phương.

2.2. Đối với chỉ tiêu sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí có nhu cầu sử dụng hóa chất vật tư tiêu hao giai đoạn 2016-2020

- Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại công văn số 146/BYT-TCDS ngày 10/01/2022 về việc hướng dẫn đối tượng sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và công văn số 5708/BYT-TCDS ngày 11/10/2022 về việc thông báo không thu phí gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Quản lý đối tượng theo hướng dẫn tại công văn số 877/TCDS-CCDS ngày 07/12/2022 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình về việc hướng dẫn quản lý đối tượng được miễn phí thực hiện nhiệm vụ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ thực tế nhu cầu của người dân, Chi cục Dân số tỉnh, thành phố phối hợp với Trung tâm sàng lọc khu vực phụ trách xây dựng kế hoạch thực hiện.

- Tính đến hết năm 2023, số lượng giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh mua từ giai đoạn 2016-2020 chuyên dùng năm 2024 (Phụ lục Bảng tổng hợp Hóa chất và vật tư phục vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh mua từ giai đoạn 2016-2020 chuyên dùng năm 2024 kèm theo).

- Tiếp tục sử dụng giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sử dụng năm 2024.

- Phối hợp với Trung tâm sàng lọc khu vực thuộc địa bàn phụ trách tiếp nhận mẫu, lấy mẫu máu các đối tượng miễn phí và gửi mẫu về Trung tâm sàng lọc khu vực thuộc địa bàn phụ trách để thực hiện xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Phối hợp Trung tâm sàng lọc khu vực lập kế hoạch mua giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ xét nghiệm sàng lọc sơ sinh 02 bệnh: suy giáp trạng bẩm sinh và thiếu men G6PD.

3. Gửi các kế hoạch đã được phê duyệt về Cục Dân số (Phòng Cơ cấu và Chất lượng dân số) để theo dõi, quản lý.

II. Báo cáo kết quả

Thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế; Thông tư số 38/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.

Báo cáo kết quả về Cục Dân số theo các **Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 và Phụ lục 5** gửi kèm theo.

Thời gian mở sổ số liệu và đóng sổ số liệu theo quy định của tỉnh, thành phố. Ghi rõ từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm....

1. Báo cáo tháng trước ngày 20 của tháng; báo cáo quý trước ngày 20 của tháng cuối cùng của quý.

Báo cáo kết quả Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh với các nội dung:

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện của tháng/quý...

- Báo cáo kết quả theo **Phụ lục 1**. Đối với các tỉnh, thành phố đã triển khai các biểu mẫu của đơn vị thì tiếp tục thực hiện thống kê theo biểu mẫu của đơn vị.

- Tổng hợp kết quả về đối tượng được sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg theo hướng dẫn tại công văn số 877/TCDS-CCDS ngày 07/12/2022 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình nêu trên.

- Các nội dung khác (nếu có).

2. Báo cáo kết quả 6 tháng đầu năm 2024 trước ngày 20/6/2024.

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện, kết quả 6 tháng đầu năm 2024 các nội dung:

+ Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

+ Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 theo **Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3** (*lưu ý: không tính tỷ số giới tính khi sinh*).

- Các nội dung khác (nếu có).

3. Báo cáo năm 2024 trước ngày 20/12/2024.

Báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện năm 2024:

- Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ theo **Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5** (nếu có).

a) Tỷ số giới tính khi sinh (nam/100 nữ)¹, tính như sau:

$$\text{Tỷ số giới tính khi sinh (nam/100 nữ)} = \frac{\text{Tổng số bé trai sinh ra sống}}{\text{Tổng số bé gái sinh ra sống}} \times 100$$

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh (%)² :...%

^{1,2}Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế.

được tính như sau:

$$\frac{\text{Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh được sàng lọc trước sinh năm 2024}}{\text{Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh năm 2024}} \times 100$$

Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh được sàng lọc trước sinh: Phụ nữ mang thai dự kiến sinh được sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh, tật trong gói cơ bản³, bao gồm tất cả các hình thức miễn phí, tự chi trả hoặc nguồn huy động hợp pháp khác.

Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh năm 2024 (*Lưu ý: Chỉ thống kê số phụ nữ mang thai trong năm 2024 có dự kiến sinh con; Không thống kê: số phụ nữ mang thai đã thống kê trong báo cáo kết quả của năm 2023 và số phụ nữ mang thai trong năm 2024 chủ động chấm dứt thai kỳ*).

- Trường hợp, phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc trước sinh không đủ 04 bệnh thì ghi rõ số phụ nữ mang thai đã sàng lọc trước sinh những bệnh tật nào.

+ Sàng lọc trước sinh bệnh Down:...

+ Sàng lọc trước sinh bệnh Edward:....

+ Sàng lọc trước sinh bệnh Patau:...

+ Sàng lọc trước sinh bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia:....

+ Sàng lọc trước sinh bệnh khác (nếu có):....

- Số lượng cơ sở y tế triển khai kỹ thuật sàng lọc trước sinh trên địa bàn tỉnh (bao gồm các cơ sở y tế công lập và tư nhân):... cơ sở y tế (*bệnh viện, phòng khám, ...*).

Trong đó:

+ Thực hiện sàng lọc bằng kỹ thuật siêu âm:... cơ sở y tế.

+ Thực hiện sàng lọc bằng kỹ thuật xét nghiệm (nếu có):... cơ sở y tế; ghi rõ thực hiện xét nghiệm danh mục bệnh sàng lọc.

+ Thực hiện sàng lọc bằng các kỹ thuật khác (nếu có):... cơ sở y tế; ghi rõ kỹ thuật và danh mục bệnh sàng lọc.

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc (%)⁴:...%

được tính như sau:

$$\frac{\text{Tổng số trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh 05 bệnh bẩm sinh phổ biến năm 2024}}{\text{Tổng số trẻ sinh sống trong năm 2024}} \times 100$$

Tổng số trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh 05 bệnh bẩm sinh phổ biến năm 2024: trẻ mới sinh được sàng lọc đủ 05 bệnh, tật trong gói cơ bản⁵; bao gồm tất cả các hình thức miễn phí, bao gồm tự chi trả hoặc nguồn huy động hợp pháp khác.

Tổng số trẻ sinh sống trong năm 2024 của tỉnh, thành phố.

^{3,5} Quyết định 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản.

⁴ Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế.

- Trường hợp, số trẻ mới sinh thực hiện sàng lọc sơ sinh không đủ 05 bệnh bẩm sinh phổ biến thì ghi rõ số trẻ mới sinh đã sàng lọc sơ sinh những bệnh tật nào:

+ Sàng lọc kỹ thuật xét nghiệm trên mẫu máu khô 02 bệnh (bệnh thiếu men G6PD, Suy giáp trạng bẩm sinh):... trẻ;

+ Sàng lọc kỹ thuật xét nghiệm trên mẫu máu khô 03 bệnh (bệnh thiếu men G6PD, Suy giáp trạng bẩm sinh, tăng sản thượng thận bẩm sinh):....trẻ.

+ Sàng lọc bệnh tim bẩm sinh:.. ... trẻ.

+ Sàng lọc khiếm thính bẩm sinh: ... trẻ.

+ Sàng lọc các bệnh khác (nếu có ghi rõ danh mục bệnh sàng lọc): ... trẻ.

- Số lượng cơ sở y tế triển khai kỹ thuật sàng lọc sơ sinh trên địa bàn tỉnh (nếu có - bao gồm các đơn vị công lập và tư nhân):... cơ sở y tế (bệnh viện, phòng khám, ...).

Trong đó:

+ Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm bằng mẫu máu khô, ghi rõ danh mục bệnh sàng lọc:... cơ sở y tế.

Ví dụ: Cơ sở y tế thực hiện sàng lọc sơ sinh bằng kỹ thuật xét nghiệm mẫu máu khô, 02 bệnh (thiếu men G6PD, suy giáp bẩm sinh): 01 bệnh viện.

+ Thực hiện sàng lọc bệnh tim bẩm sinh, ghi rõ kỹ thuật thực hiện: :... cơ sở y tế.

Ví dụ: Cơ sở y tế thực hiện sàng lọc bệnh tim bẩm sinh bằng kỹ thuật đo độ bão hòa oxy qua da: 01 bệnh viện.

+ Thực hiện sàng lọc khiếm thính bẩm sinh, ghi rõ kỹ thuật thực hiện:.....đơn vị.

Ví dụ: Cơ sở y tế thực hiện sàng lọc bệnh khiếm thính bẩm sinh bằng kỹ thuật đo OAE;...: 01 bệnh viện.

+ Thực hiện sàng lọc các bệnh tật khác, ghi rõ kỹ thuật thực hiện.

d) Tăng tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (%), được tính như sau: Bằng tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2024 trừ tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2023.

Tỷ lệ cặp nam, nữ kết hôn được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn ...(%), tính như sau:

Số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn được tư vấn,
khám sức khỏe trước khi kết hôn trong ... (kỳ báo cáo)

x 100

Tổng số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn (đăng ký mới) trong ... (kỳ báo cáo)

Số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: là số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn (đăng ký mới) trong kỳ báo cáo được tư vấn cá nhân và khám sức khỏe trước khi kết hôn; không tính các trường hợp tư vấn nhóm, tư vấn cộng đồng.

- Các nội dung khác (nếu có).

- Tình hình quản lý và sử dụng máy siêu âm màu loại 3D để triển khai cung cấp dịch vụ kỹ thuật sàng lọc trước sinh do Cục Dân số (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) cấp (**Phụ lục 4**).

- Tình hình quản lý, sử dụng mẫu giấy thấm và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh và sàng lọc trước sinh (nếu có) cho các đối tượng miễn phí (**Phụ lục 5**). Lưu ý: số liệu được tính đến hết ngày 14/12/2024 với các mẫu đã có thông báo kết quả xét nghiệm. Các mẫu mới gửi, chưa có thông báo kết quả xét nghiệm được tính vào số liệu của năm 2025.

- Tổng hợp kết quả về đối tượng được sử dụng gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí theo quy định tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg theo hướng dẫn tại công văn số 877/TCDS-CCDS ngày 07/12/2022 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình nêu trên.

- Các nội dung khác (nếu có).

- Khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

- Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.

- Đề xuất, kiến nghị.

III. Xây dựng kế hoạch năm 2025

1. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện: tháng 6/2024

Gửi văn bản Kế hoạch về Cục Dân số trước ngày 20/7/2024 để theo dõi, tổng hợp. Căn cứ đề xuất của địa phương về chỉ tiêu chuyên môn 2025, Cục Dân số tổng hợp và làm cơ sở giao chỉ tiêu năm 2025.

2. Chỉ tiêu chuyên môn năm 2025

a) Mức giảm tỷ số giới tính khi sinh: ... (điểm %), tính như sau:

Bảng tỷ số giới tính khi sinh năm 2025 trừ đi tỷ số giới tính khi sinh năm 2024.

- Tỷ số giới tính khi sinh (nam/100 nữ), tính như sau:

$$\frac{\text{Tổng số bé trai sinh sống}}{\text{Tổng số bé gái sinh sống}} \times 100$$

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh: ...%, tính như sau:

$$\frac{\text{Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh được sàng lọc trước sinh trong năm 2025}}{\text{Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh trong năm 2025}} \times 100$$

Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh được sàng lọc trước sinh: phụ nữ mang thai trong năm 2025 có dự kiến sinh con được sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh, tật trong gói cơ bản; bao gồm tất cả các hình thức miễn phí, tự chi trả hoặc nguồn huy động hợp pháp khác.

Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh năm 2025: số phụ nữ mang thai năm 2025 có dự kiến sinh con.

Xác định chỉ tiêu miễn phí số phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh năm 2025.

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh: ...%, tính như sau:

$$\frac{\text{Tổng số trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh 05 bệnh bẩm sinh năm 2025}}{\text{Tổng số trẻ sinh sống trong năm 2025}} \times 100$$

Tổng số trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh 05 bệnh bẩm sinh phổ biến năm 2025: trẻ mới sinh được sàng lọc đủ 05 bệnh, tật trong gói cơ bản; bao gồm tất cả các hình thức miễn phí, bao gồm tự chi trả hoặc nguồn huy động hợp pháp khác.

Xác định chỉ tiêu miễn phí số trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh năm 2025.

d) Tỷ lệ cặp nam, nữ kết hôn được khám sức khỏe trước khi kết hôn...(%), tính như sau:

$$\frac{\text{Số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong ... (kỳ báo cáo)}}{\text{Tổng số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn (đăng ký mới) trong ... (kỳ báo cáo)}} \times 100$$

Số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: là số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn (đăng ký mới) trong kỳ báo cáo được tư vấn cá nhân và khám sức khỏe trước khi kết hôn; không tính các trường hợp tư vấn nhóm, tư vấn cộng đồng.

3. Nội dung

Căn cứ Đề án, Chương trình, Kế hoạch giai đoạn đã được cấp thẩm quyền địa phương phê duyệt; căn cứ tình hình thực tế và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền của tỉnh, thành phố hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm 2025, Chi cục Dân số tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch hoạt động và dự kiến kinh phí triển khai năm 2025 trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí và các điều kiện cần thiết để thực hiện năm 2025.

a) Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Các hoạt động can thiệp của địa phương bám sát định hướng các can thiệp giảm mất cân bằng giới tính khi sinh được phân vùng theo 3 nhóm tỉnh:

- Nhóm 3 (là các tỉnh, thành phố có TSGTKS dưới mức 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống): triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chung của Đề án.

- Nhóm 2 (là các tỉnh, thành phố có TSGTKS dưới mức 109-112 bé trai/100 bé gái sinh ra sống): triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp như Nhóm 3 và tăng cường rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho cá nhân, tập thể thực hiện tốt công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh theo Thông tư 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số..

- Nhóm 1 (là các tỉnh, thành phố có TSGTKS trên 112 bé trai/100 bé gái sinh ra sống): cùng với việc triển khai đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp như Nhóm 2 và tăng cường tổ chức Chiến dịch, hoạt động vận động tại cộng đồng, tại địa bàn trọng điểm.

Năm 2025, Chi cục Dân số cần tập trung triển khai các hoạt động để tổng kết 10 năm thực hiện Đề án Kiểm soát MCBGTKS giai đoạn 2016-2025.

b) Chương trình ở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

Năm 2025, thực hiện sàng lọc trước sinh (4 bệnh) và sàng lọc sơ sinh (05 bệnh) theo Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản.

Sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 Hướng dẫn, tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 Hướng dẫn, tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Các tỉnh, thành phố phối hợp với các Trung tâm sàng lọc khu vực triển khai sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho các đối tượng theo quy định tại Quyết định 1999 và sử dụng hóa chất, vật tư của giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 146/BYT-TCDS ngày 10/01/2022 và công văn số 5708/BYT-TCDS ngày 11/10/2022 của Bộ Y tế nêu trên.

+ Giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu: Chi cục Dân số báo cáo Sở Y tế, phối hợp với Trung tâm sàng lọc khu vực thuộc địa bàn phụ trách và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch bố trí kinh phí của địa phương mua mẫu giấy thấm và vật tư lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh.

+ Hóa chất sàng lọc trước sinh và sơ sinh: Thông qua các Trung tâm sàng lọc khu vực tiếp tục hỗ trợ xét nghiệm sàng lọc sơ sinh 02 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh và thiếu men G6PD); xét nghiệm sàng lọc trước sinh (cho các đối tượng thuộc các tỉnh, thành phố thuộc địa bàn phụ trách của Trung tâm sàng lọc thuộc Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế) cho đến hết hóa chất đã mua (Cục Dân số sẽ thông báo cụ thể số lượng hóa chất, vật tư).

- Các hoạt động khác: Căn cứ kế hoạch giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tế của địa phương Chi cục Dân số xây dựng kế hoạch năm 2025 nhằm phục vụ đạt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Trên đây là hướng dẫn của Cục Dân số triển khai, quản lý về cơ cấu và chất lượng dân số năm 2024./.

PHỤ LỤC BẢNG TỔNG HỢP

Hóa chất và vật tư phục vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh mua từ giai đoạn 2016-2020 chuyển dùng năm 2024

(Kèm theo công văn số 478/CDS-CCDS ngày 27/5/2024 của Cục Dân số)

1. Trung ương (Cục Dân số): tính đến hết ngày 31/12/2023.

- Giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh: đã hết.
- Hóa chất xét nghiệm sàng lọc sơ sinh 02 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh và thiếu men G6PD):

+ Kit sàng lọc thiếu men G6PD: 20.911 test (dùng cho thiết bị tự động: 10.991 test và dùng cho thiết bị bán tự động: 10.000 test)

+ Kit sàng lọc bệnh suy giáp trạng bẩm sinh: 24.956 test (dùng cho thiết bị tự động: 14.956 test và dùng cho thiết bị bán tự động: 10.000 test)

2. Trung tâm sàng lọc khu vực

a) Bệnh viện Phụ sản Trung ương:

- Giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh: 0
- Kit sàng lọc thiếu men G6PD: đang cập nhật
- Kit sàng lọc bệnh suy giáp trạng bẩm sinh: đang cập nhật.

b) Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An

- Giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh: 0
- Kit sàng lọc thiếu men G6PD: 10.297 test (Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An đề xuất trả ngân sách Nhà nước số lượng: 567 test).

- Kit sàng lọc bệnh suy giáp trạng bẩm sinh: 9.730 test.

Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An đề xuất trả ngân sách Nhà nước số lượng hóa chất, vật tư với danh mục và số lượng sau:

- Kit sàng lọc tăng sản thượng thận bẩm sinh: 2.304 test
- Hóa chất xét nghiệm PAPP-A: 2.016 test.
- Hóa chất xét nghiệm Free HCG: 2.016 test.
- Hóa chất xét nghiệm AFP-DELFA hAFP kit (A096-101): 1.152 test.
- Hóa chất xét nghiệm hCG-DELFA hCG kit (A082-101): 1.056 test.
- Hóa chất xét nghiệm Ue3-DELFA/AutoDELFA Uncojnugted Estriol (uE3) kit (B095-101): 1.152 test.
- Hóa chất control (chất chứng): 4 bộ (01 bộ: 03 lọ).
- Bơm kim tiêm nhựa dùng 1 lần 5mL: 3.200 cái.
- Ống nghiệm không chống đông 5mL: 3.200 cái.

c) Trường Đại học Y Dược Huế (tính đến 15/12/2023)

- Giấy lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh: 7.280 cái
- Giấy lấy mẫu phục vụ sàng lọc trước sinh: 3.390 cái

- Kit sàng lọc thiếu men G6PD: 16.161 test.
- Kit sàng lọc bệnh suy giáp trạng bẩm sinh: 16.929 test.
- Hóa chất xét nghiệm sàng lọc trước sinh: 6.109 test.
- Bộ dụng cụ lấy mẫu sàng lọc trước sinh và sơ sinh (găng tay, kim, gạc vô trùng, bông cotton,...): 7.650 bộ.
- Găng tay cao su không bột: 7.650 đôi.
- Đầu tip micropipette trắng: 17.058 cái.
- Đầu tip micropipette vàng: 130.054.
- Đầu tip micropipette xanh: 10.0370 cái.
- Ống eppendorf: 4.253 ống.
- Ống PCR: 2.768 ống.
- Chai nhựa dùng một lần: 170 chai.

d) Bệnh viện Từ Dũ (tính đến 15/12/2023)

- Giấy lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh: 568 cái; Băng cá nhân: 598 cái; Lancet: 498 cái; găng lấy mẫu: 548 đôi.
- Kit sàng lọc thiếu men G6PD: 936 test
- Kit sàng lọc bệnh suy giáp trạng bẩm sinh: 1320 test

e) Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ (tính đến 15/12/2023)

- Giấy lấy mẫu và vật tư lấy mẫu: 3.820 gói vật tư.
- Kit sàng lọc thiếu men G6PD: 7.106 test
- Kit sàng lọc bệnh suy giáp trạng bẩm sinh: 6.768 test

3) Các tỉnh, thành phố

a) Giấy lấy mẫu sàng lọc trước sinh

Đề nghị Chi cục Dân số các tỉnh, thành phố phối hợp với Trường Đại học Y Dược Huế rà soát số lượng giấy lấy mẫu và vật tư lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc trước sinh tồn tại các tỉnh, thành phố đến hết năm 2023 chuyển dùng năm 2024, báo cáo về Cục Dân số để theo dõi, quản lý.

b) Giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu sàng lọc sơ sinh (đơn vị tính: bộ/gói vật tư)

Số lượng mẫu giấy thấm và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh chưa sử dụng hết năm 2023 chuyển dùng năm 2024. Số lượng cụ thể tại các tỉnh, thành phố (Bảng tổng hợp này ghi các tỉnh, thành phố có báo cáo còn bộ/gói vật tư).

- Theo báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các tỉnh, thành phố: Hà Giang: 943 (chưa bao gồm 429 bộ vật tư - nhận điều chuyển từ 02 tỉnh, thành phố: 359 gói vật tư thành phố Hải Phòng: 65 gói vật tư), Tuyên Quang: 630, Lạng Sơn: 390, Yên Bái: 416, Bắc Giang: 326, Sơn La: 354, Điện Biên: 2.244, Hải Phòng (đã điều chuyển 65 gói vật tư từ thành phố Hải Phòng cấp cho tỉnh Hà Giang), Quảng Ninh: 06, Hà

Nam (đã điều chuyển 359 gói vật tư từ tỉnh Hà Nam cấp cho tỉnh Hà Giang), Hưng Yên: 207, Ninh Bình: 98, Nghệ An: 882, Quảng Bình: 300, Quảng Trị: 1.029, Quảng Nam: 96, Quảng Ngãi: 8, Bình Định: 07, Gia Lai: 820, Trà Vinh: 347, Sóc Trăng: 329, An Giang: 407 và Cà Mau: 100.

- Theo báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 của Bệnh viện Từ Dũ: Đắk Lắk: -01, Ninh Thuận: 137, Khánh Hòa: 18, Bà Rịa - Vũng Tàu: -25 và Long An: 188.

- Theo báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ: Tồn tại các tỉnh, thành phố là: 2.127 gói vật tư (không có chi tiết các tỉnh, thành phố).

* Đề nghị Chi cục Dân số các tỉnh, thành phố đã báo cáo quản lý, sử dụng giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh miễn phí từ chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023, rà soát cập nhật số liệu (nếu có). Đối với Chi cục Dân số các tỉnh, thành phố chưa có báo cáo quản lý, sử dụng giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu phục vụ sàng lọc sơ sinh miễn phí từ chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023 theo yêu cầu tại công văn số 41/DS-KHTC ngày 28/11/2023 của Cục Dân số về việc báo cáo kết quả công tác dân số năm 2023. Đề nghị bổ sung hoàn thiện báo cáo gửi về Cục Dân số để theo dõi, quản lý./.



TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện các hoạt động sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh(kỳ báo cáo)
 (Kèm theo báo cáo số _____ ngày _____ tháng _____ năm 20.....của)

STT	Số người được tập huấn kỹ năng tư vấn	Sàng lọc trước sinh														Số cơ sở y tế triển khai kỹ thuật siêu âm SLTS		
		Tổng số phụ nữ mang thai dự kiến sinh.... (kỳ báo cáo)	Số phụ nữ mang thai dự kiến sinh được sàng lọc trước sinh đủ 04 bệnh...(kỳ báo cáo)*	Số phụ nữ được sàng lọc bằng kỹ xét nghiệm (mẫu máu khô, mẫu máu tươi, huyết thanh)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Trong đó		Số ca nghi ngờ nguy cơ mắc dị tật bào thai	Số ca chẩn đoán xác định mắc dị tật bào thai					Điều trị		Tuyến tỉnh	Tuyến huyện	
						Sàng lọc trước sinh được hỗ trợ theo quy định tại QĐ 1999	Sàng lọc trước sinh (tự chi trả...)		Sàng lọc trước sinh được hỗ trợ theo quy định tại QĐ 1999	Sàng lọc trước sinh (tự chi trả...)	Tổng số	Bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia	Hội chứng Down	Hội chứng Edward	Hội chứng Patau			các dị tật, bất thường NST khác
1	2	3	4	5	$6=4/3*100\%$	7	8	9	$10=11+...+1$ 5	11	12	13	14	15	16	17	18	19

*Ghi chú - Nếu sàng lọc trước sinh không đủ 04 bệnh (gói cơ bản). Ghi rõ số lượng, danh mục bệnh sàng lọc hoặc kỹ thuật sàng lọc.

TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện các hoạt động sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh (kỳ báo cáo)
 (Kèm theo báo cáo số _____ ngày _____ tháng _____ năm 20..... của

STT	Sàng lọc sơ sinh																													
	Số trẻ sinh sống (kỳ báo cáo)	Số trẻ được sàng lọc sơ sinh 05 bệnh (kỳ báo cáo)*	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Trong đó		Số ca nguy cơ mắc các bất thường bẩm sinh							Số ca chẩn đoán xác định						Số ca được theo dõi, điều trị						Số cơ sở y tế triển khai lấy mẫu máu gót chân	Số cơ sở triển khai xét nghiệm sàng lọc sơ sinh				
				Sàng lọc sơ sinh được hỗ trợ theo quy định tại QĐ 1999	Sàng lọc sơ sinh (tr chi trả ...)	Tổng số	Suy giáp bẩm sinh	Thiếu men G6PD	Tăng sản thượng thận bẩm sinh	Khiếm thính bẩm sinh	Bệnh tim bẩm sinh	Khác	Tổng số	Suy giáp bẩm sinh	Thiếu men G6PD	Tăng sản thượng thận bẩm sinh	Khiếm thính bẩm sinh	Bệnh tim bẩm sinh	Khác	Tổng số	Suy giáp bẩm sinh	Thiếu men G6PD	Tăng sản thượng thận bẩm sinh	Rối loạn chuyển hóa bẩm sinh			Khiếm thính bẩm sinh	Bệnh tim bẩm sinh	Khác	
1	20	21	22=21/20* %	23	24	25=26+ ...31	26	27	28	29	30	31	32=33 +...38	33	34	35	36	37	38	39=40 +...46	40	41	42	43	44	45	46	48	49	

**Ghi chú: Nếu sàng lọc sơ sinh không đủ 05 bệnh, ghi rõ số lượng, danh mục bệnh sàng lọc.

TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện hoạt động về Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn(kỳ báo cáo)
 (Kèm theo báo cáo số _____ ngày tháng năm 20.....của)

TT	Tổng số huyện được triển khai	Số xã được triển khai	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2023 (%)	Số cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn...(kỳ báo cáo)	Tổng số cặp nam, nữ thanh niên kết hôn (đăng ký mới) trong ... (kỳ báo cáo)	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn...(kỳ báo cáo)	Tăng tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2024 (%)	Hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề		Truyền thông trên đài phát thanh		Câu lạc bộ		Tài liệu được phân phát			Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn				Sinh hoạt ngoại khóa trường phổ thông		
								Số buổi/lớp	Số người tham gia	Số lượng tin, bài, phóng sự, TVC	Số lần phát	Số lượng câu lạc bộ	Số lượng thành viên tham gia sinh hoạt	Tờ rơi	Cẩm nang	Các tài liệu khác	Số người được tư vấn cá nhân	Số người được khám sức khỏe	Khám cận lâm sàng		Số người phát hiện bệnh	Số điểm trường phổ thông	Số buổi sinh hoạt
																			Siêu âm	Khác			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23

TỔNG HỢP

Kết quả thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm.....(kỳ báo cáo)

(Kèm theo báo cáo số _____ ngày _____ tháng _____ năm 20.....của

STT	Đơn vị hành chính (quận, huyện)	Địa bàn xã được triển khai	Số trẻ mới sinh...(kỳ báo cáo)		Tỷ số giới tính khi sinh năm 2024	Hội thảo, nói chuyện chuyên đề		Tập huấn		Sinh hoạt các CLB về giới tính khi sinh			Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng			Cung cấp các sản phẩm truyền thông			Rà soát các văn bản quy định, quy ước của địa phương		Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật			
			Nam	Nữ		Số buổi	Tổng số người tham gia	Số lớp	Tổng số người tham gia	Số Câu lạc bộ	Số buổi	Tổng số người tham gia	Chương trình truyền hình	Phát thanh, truyền thanh	Tin bài, chuyên trang trên báo viết	Tờ rơi, sách mỏng	Pano, áp phích	Băng, đĩa và sản phẩm khác	Rà soát	Sửa đổi	Số đợt	Số đơn vị được kiểm tra	Số trường hợp phát hiện sai phạm	Số trường hợp xử lý hoặc đề xuất xử lý
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Cộng																							

Phụ lục 4

**Báo cáo về quản lý và sử dụng máy siêu âm màu loại 3D để triển khai
cung cấp dịch vụ kỹ thuật sàng lọc trước sinh do Tổng cục DS-KHHGD cấp**
(*Kèm theo báo cáo số ngày tháng năm 20.....của*)

TT	Đơn vị được cấp	Số lượng	Năm cấp	Năm đưa vào sử dụng	Mục đích	Tình trạng hiện tại
1						
2						
3						

TỔNG HỢP

**Quản lý, sử dụng giấy lấy mẫu và vật tư tiêu hao lấy mẫu
phục vụ sàng lọc sơ sinh miễn phí từ chương trình mục tiêu Y tế - Dân số**

(Kèm theo báo cáo số _____ ngày tháng năm 20..... của)

Đơn vị tính: Bộ

TT	Tên đơn vị	Tồn năm 2023 chuyển dùng năm 2024		Tiếp nhận mới 2024		Sử dụng 2024 *			Điều chuyển trong năm		Tồn năm 2024 chuyển dùng năm 2025		Ghi lý do hỏng
		Số lượng	Hạn sử dụng	Số lượng	Hạn sử dụng	Tổng số	Số đạt	Số hỏng	Số lượng	Hạn sử dụng	Tổng số	Hạn sử dụng **	
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7	8	9	10=(1+3)- (5+8)	11	12
1	Quận/Huyện A												
2	Quận/Huyện B												
3												
	Tổng cộng:												

- **Ghi chú:** * ghi rõ từ ngày... tháng năm đến ngày tháng năm 2024

** ghi rõ số lượng và hạn sử dụng (tháng, năm)

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)